

TOÀ ÁN ND HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

Bản án: 08 /2025/DS- ST
Ngày 13 / 6 / 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

“V/v Yêu cầu bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Thành;
- Bà Hoàng Thị Chung;

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà:** Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2024/TLST - DS, ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXX – ST, ngày 17 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐXX – ST, ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Triệu Hữu H, sinh năm 1985; có mặt
Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn T, huyện S, Bắc Giang.

Người bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H: Luật sư Nguyễn Duy T – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B; có mặt.

- **Bị đơn:** Ủy ban nhân dân thị trấn T; ông Phùng Đức M – Chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn T ủy quyền cho ông Trịnh Quý H1 – Chức danh: Công chức địa chính là người đại diện; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện S, Bắc Giang. có mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân huyện S; ông Hoàng Văn T1 – Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện S ủy quyền cho ông Lục Xuân

D – Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường là người đại diện, Văn bản ủy quyền số 3381/UBND-NC ngày 30/10/2024 (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn anh Triệu Hữu H trình bày:

Năm 2010, anh được bố mẹ là ông Triệu Sinh T2, bà Bàn Thị H2 cho cá nhân anh 01 thửa đất 291,1m²(trong đó 100m² là đất ở còn lại 191,1m²là đất vườn), thửa đất tại thôn Đ, xã T, huyện S, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bố anh là ông Triệu Sinh T2.

Ngày 26/11/2019, UBND huyện S có quyết định số 576/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất ở bố trí tái định cư tại thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Giá giao đất tái định cư là 500.000 đồng/m² (năm trăm ngàn đồng/ 1 m²).

Ngày 04/12/2019, UBND huyện S có phương án số 124/PA-UBND về việc giao đất ở tái định cư cho các hộ gia đình có đất ở bị thu hồi tại thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 11/12/2019, UBND huyện S ban hành quyết định số 634/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, Quyết định số 635/QĐ-UBND về việc Quyết định thu hồi, hỗ trợ, tái định cư, trong quyết định đã thu hồi nhà ở và đất ở của gia đình anh. Khoảng 01 tháng sau khi có quyết định về việc thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, tức là đầu năm 2020 thì anh đã được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là 615.692.000đ. Sau khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, khoảng 2-3 ngày sau anh đã bàn giao mặt bằng theo đúng quy định. Nhưng anh không được UBND xã T (nay là UBND thị trấn T) lập hồ sơ kế hoạch trình UBND huyện S để giao đất cho anh theo phương án 124 của UBND huyện S đã đề ra là được nhận 01 thửa đất tương đương với giá trị bồi thường, do đó kể từ khi giao đất đến khi khởi kiện anh không được bàn giao đất theo như đúng phương án mà trước đó UBND huyện S đã triển khai.

Trong suốt 30 tháng kể từ khi giao đất để thực hiện dự án cho tới ngày có quyết định thu hồi đất và bố trí đất tái định cư thì anh phải đi ở nhờ. Sau đó, đến ngày 20/06/2022, gia đình anh nhận được Quyết định số 447/QĐ-UBND huyện S về việc giao đất ở bố trí tái định cư cho các hộ gia đình bị thu hồi đất, với giá cụ thể tại thời điểm giao đất là 1.920.000đồng/m²(một triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng/m²). Ngày 26/07/2022, anh nhận được thông báo nộp tiền sử dụng đất tái định cư của Chi cục thuế tỉnh B khu vực L-S. Số tiền mà anh phải nộp theo thông báo là 1.920.000đồng/m², số tiền này cao hơn quá nhiều lần so với số tiền đất ở mà anh được nhận bồi thường khi bị thu hồi đất (tiền đất thổ cư được bồi thường là 500.000 đồng/m²). Ngày 16/08/2022, gia đình anh đã nộp tiền vào Kho bạc nhà nước theo thông báo của C là 314.042.400đ.

Tuy UBND huyện S là cơ quan ra quyết định giao đất và mức tiền thu nhưng UBND huyện S giao cho UBND thị trấn T thực hiện việc lập danh sách những hộ gia đình được giao đất tái định cư. Việc làm trên của UBND thị trấn T đã chậm trễ

trong việc thực hiện quyết định thu tiền và giao đất tái định cư tại thời điểm UBND huyện S ra quyết định cho gia đình anh với giá tiền thu 500.000đ/m²; Sau đó UBND huyện S ra quyết định số 447 ngày 20/6/2022 thu tiền đất để giao đất tái định cư cho gia đình anh giá 1.920.000đ/m². Diện tích đất gia đình anh được giao tái định cư là 170,15m², tương ứng số tiền thiệt hại là 231.105.000đ.

UBND thị trấn T đã chậm trễ nên sau này UBND huyện S đã có sự điều chỉnh lại giá gây thiệt hại cho anh số tiền trên. Nay anh yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn T phải bồi thường cho anh số tiền là 231.105.000đ. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Luật sư Nguyễn Duy T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H nhất trí với lời trình bày của anh H và không bổ sung gì thêm.

[2]. Bị đơn UBND thị trấn T Từ xác nhận một phần lời khai của bên nguyên đơn tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa trình bày:

UBND huyện S là đơn vị ra quyết định thu hồi đất và giao đất tái định cư tại tổ dân phố M, thị trấn T, huyện S. UBND thị trấn T chỉ là đơn vị giúp việc cho UBND huyện S trong việc lập hồ sơ thu hồi đất, bố trí giao đất tái định cư cho những hộ gia đình thuộc trường hợp bị thu hồi đất và được giao đất tái định cư.

Tại Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND huyện S về việc phê duyệt giá giao đất ở bố trí tái định cư tại khu tái định cư; Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện S về việc phê duyệt giá tái định cư và giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất và thực hiện dự án; Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 09/09/2021 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án; Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND huyện S về việc giao đất ở bố trí tái định cư cho các hộ gia đình cư trú tại TDP M, thị trấn T, huyện S.

Gia đình anh H thuộc diện bị thu hồi đất và được giao đất tái định cư tại tổ dân phố M, thị trấn T, huyện S để thực hiện dự án Khu D theo Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện S, về việc phê duyệt giá tái định cư và giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất; Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 09/09/2021 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND huyện S về việc giao đất ở bố trí tái định cư cho các hộ gia đình cư trú tại TDP M, thị trấn T, huyện S.

Do đó, gia đình anh H không thuộc trường hợp nộp tiền đất tái định cư theo Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND huyện S và thửa đất gia đình anh H là thuộc diện được mua ưu đãi thêm. Anh H yêu cầu bồi thường số tiền 231.105.000đ là không có căn cứ nên UBND thị trấn Tây Yên T không chấp nhận toàn bộ. UBND thị trấn T chỉ là đơn vị giúp việc cho UBND huyện S trong việc lập hồ sơ thu hồi đất, bố trí giao đất tái định cư cho những hộ gia đình thuộc trường hợp bị thu hồi đất và được giao đất tái định cư, việc thực hiện giúp việc cho

UBND huyện S là đúng theo quy định không có việc chậm trễ. Ngoài ra không có yêu cầu gì.

[3]. Lời trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND huyện S:

Gia đình anh Triệu Hữu H có thuộc diện bị thu hồi đất và được giao đất tái định cư tại tổ dân phố M, thị trấn T, huyện S để thực hiện dự án khu du lịch tâm linh sinh thái T.

UBND huyện S là đơn vị ra quyết định thu hồi đất và giao đất tái định cư tại tổ dân phố M, thị trấn T, huyện S. UBND thị trấn T chỉ là đơn vị giúp việc cho UBND huyện S trong việc lập hồ sơ thu hồi đất, bố trí giao đất tái định cư cho những hộ gia đình thuộc trường hợp bị thu hồi đất và được giao đất tái định cư.

Tại Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND huyện S về việc phê duyệt giá giao đất ở bố trí tái định cư tại khu tái định cư thuộc dự án xây dựng khu du lịch tâm linh T, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện S về việc phê duyệt giá tái định cư và giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất và thực hiện dự án; Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 09/09/2021 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án; Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND huyện S về việc giao đất ở bố trí tái định cư cho các hộ gia đình cư trú tại TDP M, thị trấn T, huyện S.

Gia đình anh H thuộc diện bị thu hồi đất và được giao đất tái định cư tại tổ dân phố M, thị trấn T, huyện S để thực hiện dự án khu du lịch tâm linh sinh thái T theo Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện S về việc phê duyệt giá tái định cư và giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất; Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 09/09/2021 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu D; Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND huyện S về việc giao đất ở bố trí tái định cư cho các hộ gia đình cư trú tại TDP M, thị trấn T, huyện S.

Do đó gia đình anh H không thuộc trường hợp được điều chỉnh theo Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND huyện S và thửa đất gia đình anh H là thuộc diện được mua ưu đãi thêm. Anh H yêu cầu UBND thị trấn T Từ bồi thường số tiền 231.105.000đ là không có căn cứ. Quá trình giúp việc UBND thị trấn T đã thực hiện đúng quy định trong việc lập hồ sơ thu hồi đất, bố trí giao đất tái định cư cho những hộ gia đình thuộc trường hợp bị thu hồi đất và được giao đất tái định cư trong đó có gia đình anh H; UBND huyện đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu gì.

[4]. Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án;

Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 35, Điều 91, 147, 157, 165, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Triệu Hữu H yêu cầu UBND thị trấn T Tử bồi thường số tiền 231.105.000đ.

Về án phí: Anh Triệu Hữu H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa ông Lục Xuân D có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Triệu Hữu H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết bồi thường thiệt hại, bị đơn UBND thị trấn T Tử thường trú tại huyện S. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật vụ án là “Yêu cầu bồi thường thiệt hại”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Xét yêu cầu khởi kiện của anh Triệu Hữu H:*

Nguyên đơn anh Triệu Hữu H khởi kiện yêu cầu UBND thị trấn T Tử phải bồi thường số tiền là 231.105.000đ. Anh H cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh gồm: Kế hoạch, phương án giao đất ở tái định cư của UBND huyện S; Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND huyện S về việc phê duyệt giá giao đất ở bố trí tái định cư; Phương án số 124/PA-UBND ngày 04/12/2019 của U; Thông báo nộp tiền về lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2222113 -TK0002616/TB-CCT ngày 26/7/2022 của chi cục thuế khu vực L; Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 16/8/2022 của anh Triệu Hữu H; Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND huyện S; Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện S; Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện S.

Bị đơn UBND thị trấn T T3 cho rằng anh H Yêu cầu bồi thường là không có căn cứ nên không chấp. UBND thị trấn T tài liệu, chứng cứ gồm: Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND huyện S; Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện S; Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 09/09/2021 của UBND huyện S; Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND huyện S.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”*.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ mà các bên đương sự cung cấp, ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động về việc giải quyết vụ án cũng như kết quả xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định:

Gia đình anh Triệu Hữu H thuộc diện bị thu hồi đất và được giao đất tái định cư tại tổ dân phố M, thị trấn T, huyện S để thực hiện dự án Khu D theo Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 09/09/2021 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án; Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND huyện S về việc giao đất ở bố trí tái định cư cho các hộ gia đình cư trú tại TDP M, thị trấn T, huyện S.

Sau khi bị thu hồi đất gia đình anh H được giao đất tái định cư và phải nộp tiền theo Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện S về việc phê duyệt giá tái định cư và giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất và thực hiện dự án Khu D, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang; Giá đất vị trí gia đình anh H phải nộp là 1.920.000đ/m², gia đình anh H đã nộp đủ số tiền trên và nhận đất xong không khiếu nại gì.

Theo quy định tại Điều 66, 85, 86 Luật Đất đai năm 2013 thì UBND huyện S mới có thẩm quyền ra quyết định thu hồi đất và giao đất tái định cư, UBND thị trấn Tây Yên T không có thẩm quyền; UBND huyện S thừa nhận UBND thị trấn T chỉ là đơn vị giúp việc cho UBND huyện S trong việc lập hồ sơ cho những hộ gia đình thuộc trường hợp bị thu hồi đất, được giao đất tái định cư trong đó có gia đình anh H, việc thực hiện đúng theo quy định.

Anh H cho rằng UBND thị trấn T thực hiện việc lập danh sách những hộ gia đình được giao đất tái định cư đã chậm trễ nên sau này UBND huyện S đã có sự điều chỉnh lại giá gây thiệt hại cho anh số tiền trên và yêu cầu UBND thị trấn T Từ bồi thường số tiền 231.105.000đ là không có căn cứ.

Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Triệu Hữu H yêu cầu UBND thị trấn T Từ bồi thường số tiền 231.105.000đ.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh H không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; nhưng anh H người dân tộc thiểu số, thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTWQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 35, Điều 91, 147, 157, 165, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Triệu Hữu H yêu cầu UBND thị trấn T Tử bồi thường số tiền 231.105.000đ (hai trăm ba mươi một triệu, một trăm linh năm nghìn đồng chẵn).

[2] Về án phí: Anh Triệu Hữu H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn